|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **An Giang** | | | | | | |
| **STT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | **Điểm chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** | **Giải trình** | **Điểm thẩm định** | **Ý kiến hội đồng thẩm định** |
| **1** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC** | **9,5** | **8** |  | **9,1465** |  |
| 1.1 | Thực hiện kế hoạch CCHC | **1,5** | **1,5** | - Kế hoạch số 1247/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2024. Đã thực hiện hoàn thành 66/66 nhiệm vụ, đạt 100% Kế hoạch. - Báo cáo số 1375/BC-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh An Giang về báo cáo tổng kết công tác cải cách hành chính năm tỉnh 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của tỉnh An Giang. Tỉnh đã hoàn thành 66/66 nhiệm vụ, đạt 100% theo kế hoạch (nêu tại đoạn 2, khoản 1, mục I của Báo cáo). | **1,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 1.2 | Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ | **0,5** | **0,5** | Tỉnh An Giang thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ quý I, 6 tháng, quý III và tổng kết năm 2024, đảm bảo nội dung và cập nhật báo cáo lên phần mềm cải cách hành chính đúng thời gian quy định (Các file tài liệu kiểm chứng kèm theo) Tuy nhiên, thời điểm cập nhật Báo cáo quý I trên hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Nội vụ, do nhầm lẫn nên cập nhật nhầm vào mục Báo cáo năm, địa phương đã cập nhật lại theo quy định. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 1.3 | Công tác kiểm tra CCHC | **2** | **2** |  | **1,7234** |  |
| 1.3.1 | Tỷ lệ cơ quan chuyên môn (CQCM) cấp tỉnh và đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện được kiểm tra trong năm | **1** | **1** | UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 15/3/2024 về việc kiểm tra cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2024. Thực hiện kiểm tra 11/30 cơ quan cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện (trong đó có 04 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 5 đơn vị hành chính cấp huyện). Thành lập Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 1078/QĐ-UBND. Trong năm đã tiến hành kiểm tra, hoàn thành 100% kế hoạch và Báo cáo số 3120/BC-SNV ngày 11/12/2024 của Sở Nội vụ về kết quả kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 1.3.2 | Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | **1** | **1** | - Đã xử lý 47/47 vấn đề phát hiện qua kiểm tra. - Các báo cáo khắc phục hạn chế, tồn tại của cơ quan, đơn vị do Đoàn Kiểm tra ghi nhận, phát hiện, cụ thể: + Báo cáo số 1307/BC-STC ngày 29/11/2024 của Sở Tài chính; + Công văn số 4156/SLĐTBXH-VP ngày 18/11/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; + Báo cáo số 428/BC-STTTT ngày 11/11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông; + Công văn số 2961/CTAGI-VP ngày 28/10/2024 của Cục Thuế tỉnh; + Báo cáo số 2488/BC-BHXH ngày 29/10/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh; + Báo cáo số 4983/BC-SGDĐT ngày 20/11/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo; + Báo cáo số 2431/BC-UBND ngày 20/11/2024 của UBND huyện Phú Tân; + Báo cáo số 428/BC-UBND ngày 20/11/2024 của UBND huyện Châu Phú; + Báo cáo số 405/BC-UBND ngày 20/11/2024 của UBND huyện An Phú; + Báo cáo số 10193/BC-UBND ngày 22/11/2024 của thành phố Long Xuyên; + Báo cáo số 449/BC-UBND ngày 20/11/2024 của UBND huyện Thoại Sơn. Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 1/1 điểm tiêu chí thành phần này. \* Xin giải trình bổ sung lý do: Các vấn đề do Đoàn Kiểm tra CCHC năm 2024 của tỉnh ghi nhận, phát hiện qua kiểm tra đều đã được các đơn vị, địa phương khắc phục 100%. \* Xin gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: Báo cáo số 58/BC-UBND ngày 21/02/2025 của UBND huyện An Phú về kết quả khắc phục hạn chế, tồn tại sau kiểm tra công tác cải cách hành chính 2024 (đã cụ thể hơn các nội dung đã khắc phục). | **0,7234** | Cấp 2: Một số nội dung báo cáo khắc phục chỉ nêu chung chung, không có kết quả khắc phục cụ thể là chưa đạt yêu cầu. Ví dụ báo cáo của huyện An Phú |
| 1.4 | Công tác tuyên truyền CCHC | **1** | **1** | Các nội dung tuyên truyền tỉnh An Giang đã thực hiện trong năm: 1. Hội nghị đánh giá kết quả hoạt động 06 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2024 của Ban Chỉ đạo Chương trình cải cách hành chính tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2023. 2. Chuyên mục Cải cách hành chính trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh An Giang, tại địa chỉ https://angiang.gov.vn/wps/portal/Home/tin-tuc/danh-sach-tin/cai-cach-hanh-chinh 3. Tuyên truyền qua Báo An Giang https://baoangiang.com.vn/ubnd-tinh-chi-dao-day-manh-cai-cach-nang-cao-hieu-qua-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-a408320.html 4. Tuyên truyền qua Đài PTTH An Giang, địa chỉ truy cập: https://atv.org.vn/video/cai-cach-hanh-chinh Ngoài ra còn tuyên truyền thông qua các hình thức khác: 1. Tổ chức Cuộc thi Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã xanh, sạch, đẹp năm 2024 (KH 09/KH-BCĐ ngày 06/8/2024 của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh) 2. Tập huấn, bồi dưỡng đạo đức công vụ, văn hóa công sở năm 2024, với 03 lớp, 270 học viên là cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện, xã tham dự. Ngoài ra, Tỉnh còn thực hiện tuyên truyền cải cách hành chính qua các mạng xã hội - ZALO: Cải cách hành chính tỉnh An Giang, Thủ tục hành chính An Giang. - FACEBOOK: Thủ tục hành chính - An Giang, Sở Nội vụ tỉnh An Giang. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 1.5 | Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính | **2** | **2** | Sáng kiến, giải pháp, mô hình về cải cách hành chính đã được triển khai và mang lại hiệu quả trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024: - Sáng kiến, giải pháp 1: “Giải pháp hẹn giờ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh An Giang”. - Sáng kiến, giải pháp 2: “Triển khai tuyển sinh đầu cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang” - Sáng kiến, giải pháp 3: Triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ”. - Sáng kiến, giải pháp 4: “Giải pháp nâng cao hiệu quả trong quy trình xuất và gửi giấy báo xử lý nước thải, cho thuê sử dụng hạ tầng cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cấp tỉnh”. - Sáng kiến, giải pháp 5: “Ứng dụng PivotTable và biểu đồ trong Google Sheet giúp quản lý, theo dõi tiến độ thu bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh” - Sáng kiến, giải pháp 6: Mô hình “Giải quyết thủ tục hành chính tại nhà cho các trường hợp người tàn tật, người cao tuổi không có khả năng đi lại” trên địa bàn xã Tân An, thị xã Tân Châu (có tiềm năng nhân rộng toàn tỉnh). - Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 2/2 điểm. 1. Xin giải trình bổ sung: 1.1. Đối với sáng kiến, giải pháp “Triển khai tuyển sinh đầu cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang” được Sở GDĐT phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cùng Viễn thông (VNPT) An Giang để thiết kế, xây dựng phần mềm TS10 tích hợp với Cổng dịch vụ công, tiến hành kiểm thử, nghiệm thu và vận hành. - Hiệu quả mang lại góp phần thực hiện đúng chủ trương chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số của tỉnh và cải tiến, hoàn thiện công tác tuyển sinh, đảm bảo tính công khai, minh bạch; đồng thời giúp các em học sinh làm quen với thủ tục, hồ sơ điện tử, hướng đến mục tiêu trở thành công dân số ngày nay. 1.2. Đối với sáng kiến, giải pháp “Giải pháp nâng cao hiệu quả trong quy trình xuất và gửi giấy báo xử lý nước thải, cho thuê sử dụng hạ tầng cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp cấp tỉnh”. Gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: - Kế hoạch số 386/KH-TTHT ngày 01/8/2023 của Trung tâm đầu tư - phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp khu kinh tế về chuyển đổi số… - Thông báo số 631/TB-TTHT ngày 30/10/2023 của Trung tâm đầu tư - phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp khu kinh tế về việc triển khai hệ thống phát hành, gửi giấy báo, hóa đơn điện tử … - Thông báo số 386/TB-TTHT ngày 24/4/2024 của Trung tâm đầu tư - phát triển hạ tầng và hỗ trợ doanh nghiệp khu kinh tế về việc triển khai giai đoạn 2 trong lộ trình phát hành, gửi giấy báo … 2. Bổ sung sáng kiến, giải pháp: 2.1. Giải pháp: “Hiệu quả xây dựng mô hình điểm về áp dụng thực hành 5S (sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, săn sóc, sẵn sàng) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố Long xuyên, tỉnh An Giang”. Sáng kiến đã giúp công chức, viên chức hình thành môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần cải cách hành chính của thành phố Long Xuyên... Các tài liệu kiểm chứng kèm theo: - Báo cáo số 1941/BC-SKHCN ngày 18/11/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp sáng kiến, giải pháp mang lại hiệu quả CCHC năm 2024. - Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang công nhận sáng kiến, giải pháp được áp dụng có hiệu quả, phổ biến, nhân rộng phạm vụ cấp tỉnh đợt 1 năm 2023 - 2024 (nội dung thứ 26 của Phụ lục đính kèm). - Báo cáo số 239/BC-TĐC ngày 31/10/2024 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng về kết quả giám sát mô hình điểm về thực hành 5S tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND thành phố Long Xuyên (kèm theo Hình ảnh duy trì mô hình 5S). 2.2. Sáng kiến: Thực hiện mô hình “Tăng thêm 30 phút vì người dân, doanh nghiệp” năm 2024 để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. - Hình thức thực hiện: Lựa chọn thực hiện tăng thêm 30 phút cuối giờ (sau khi hết thời gian làm việc giờ hành chính theo quy định) của các buổi ngày Thứ hai và Thứ sáu trong tuần tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang. Đối với các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn tăng thêm 30 phút cuối giờ 02 ngày/tuần theo lịch trực của đơn vị tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, thành phố. - Hiệu quả: Đẩy mạnh giải quyết TTHC trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, đồng thời cải thiện chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang. Tài liệu kiểm chứng gửi kèm: - Kế hoạch số 45/KH-STNMT ngày 04/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện mô hình “Tăng thêm 30 phút vì người dân, doanh nghiệp” năm 2024. - Báo cáo số 303/BC-STNMT ngày 14/11/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 45/KH-STNMT. | **2** | Cấp 2: Điểm ghi nhận tạm thời và có thể thay đổi khi HĐTĐ sẽ rà soát, đánh giá lại. LƯU Ý: Các nội dung không thể hiện tính mới, tính sáng tạo; tính hiệu quả chưa rõ nét, không có đột phá, đánh giá chung chung, thiếu tính định lượng để chứng minh; phạm vi áp dụng hẹp là chưa đáp ứng yêu cầu đánh giá. |
| 1.6 | Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp | **1** | **1** | - Tổng số kiến nghị, đề xuất phải xử lý: 21 - Số kiến nghị, đề xuất đã chuyển xử lý: 21 Báo cáo tổng hợp kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh, đề xuất một số giải pháp và báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến chỉ đạo tại Báo cáo số 397/BC-SKHĐT ngày 30/8/2024. Tỉnh đã tổ chức Hội nghị đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp. TLKC: - Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 23/02/2024 về việc tổ chức Họp mặt doanh nghiệp đầu năm 2024. - Thư mời 366/TM-VPUBND ngày 29/10/2024; 367/TM-VPUBND ngày 29/10/2024; 377/TM-VPUBND ngày 04/11/2024. Họp xử lý khó khăn vướng mắc các công ty: Điện lực, Antraco, Xây lắp. - Tổ chức chuỗi sự kiện “Liên kết thúc đẩy khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang hiệu quả trong bối cảnh mới” năm 2024 vào ngày 12-13/09/2024 theo Kế hoạch số 451/KH-SKHĐT ngày 25/12/2023. - Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp năm 2024 tại Tờ trình số 176/TTr-SKHĐT ngày 31/10/2024. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 1.7 | Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao | **1,5** | **0** | Tiêu chí này do Văn phòng Chính phủ đánh giá! | **1,4231** | Cấp 2: Số liệu theo Báo cáo 140/BC-VPCP ngày 06/01/2025 của VPCP (Đã loại trừ các nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng còn trong hạn) |
| **2** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** | **10** | **6** |  | **9,1364** |  |
| 2.1 | Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL) | **3** | **3** |  | **3** |  |
| 2.1.1 | Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật | **2** | **2** | - Kế hoạch số 13/BC-UBND ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Công văn số 458/UBND-NC ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 05/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh. - Báo cáo số 1319/BC-UBND ngày 09/12/2024 của UBND tỉnh công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Kế hoạch số 78/KH-STP ngày 09/4/2024 của Sở Tư pháp Kiểm tra công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024. - Quyết định số 99/QĐ-STP ngày 27/6/2024 của Sở Tư pháp thành lập Đoàn kiểm tra công tác tư pháp năm 2024. - Thông báo số 56/TB-STP ngày 01/7/2024 của Sở Tư pháp lịch kiểm tra công tác tư pháp năm 2024. - Kế hoạch số 140/KHPH-STP-SYT ngày 19/11/2024 của Sở Tư pháp – Sở Y tế phối hợp điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật về an toàn thực phẩm. - Báo cáo số 437/BC-STP ngày 11/12/2024 của Sở Tư pháp kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thực hiện trách nhiệm nhà nước về an toàn thực phẩm. - Báo cáo số 281/BC-STP ngày 30/9/2024 của Sở Tư pháp kết quả kiểm tra công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2024. | **2** | Cấp 2: Đồng ý với kết quả tự đánh giá |
| 2.1.2 | Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật | **1** | **1** | - Báo cáo số 1085/BC-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh về kết quả rà soát các quy định có vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. - Báo cáo số 740/BC-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh về công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính 10 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Báo cáo số 886/BC-UBND ngày 20/9/2024 của UBND tỉnh kết quả thực hiện các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành từ kỳ họp thứ 16 (chuyên đề) đến cuối năm 2023. - Báo cáo số 979/BC-UBND ngày 10/10/2024 của UBND tỉnh về công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Báo cáo số 698/BC-UBND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh Kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. - Báo cáo 118/BC-UBND ngày 07/02/2024 của UBND tỉnh về đánh giá thực trạng thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và kiến nghị đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các cấp. - Báo cáo số 421/BC-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh về công tác chấp hành pháp luật tố tụng hành chính và thi hành án hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 2.2 | Công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm | **0,5** | **0,5** | Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố danh mục Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2024. Thời hạn ban hành theo quy định của Bộ Tư pháp là cuối tháng 01/2025. Dự kiến hoàn thành và đạt điểm tối đa đối với tiêu chí này. Tỉnh An Giang gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2024. Kèm theo 02 phụ lục. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 2.3 | Kiểm tra, xử lý VBQPPL | **1,5** | **1,5** |  | **1,5** |  |
| 2.3.1 | Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền | **0,5** | **0,5** | - Danh mục kiểm tra theo thẩm quyền. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. Thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tư pháp trước ngày 28/02/2025. Dự kiến hoàn thành và đạt điểm tối đa đối với tiêu chí này. Tỉnh An Giang có tổ chức kiểm tra văn bản theo thẩm quyền. Xin gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Danh mục kiểm tra theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành (cập nhật với 31 văn bản) | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 2.3.2 | Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị | **1** | **1** | \* Đến thời điểm tháng 12/2024, Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật) không kết luận văn bản của tỉnh An Giang trong năm 2024 có nội dung trái pháp luật. Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. Thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tư pháp trước ngày 28/02/2025. Dự kiến hoàn thành và đạt điểm tối đa đối với tiêu chí này Tỉnh An Giang gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 2.4 | Cập nhật văn bản thuộc trách nhiệm của địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật | **1** | **1** | Tỉnh cập nhật đầy đủ, kịp thời văn bản thuộc trách nhiệm trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. - Danh mục cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. Thời hạn gửi báo cáo về Bộ Tư pháp trước ngày 28/02/2025. Dự kiến hoàn thành và đạt điểm tối đa đối với tiêu chí này. Tỉnh An Giang gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: - Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Danh mục cập nhật văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (cập nhật 62 văn bản) | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 2.5 | Chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành | **4** | **0** |  | **3,1364** |  |
| 2.5.1 | Tính đồng bộ, thống nhất của các VBQPPL do địa phương ban hành | **1** | **0** |  | **0,762** |  |
| 2.5.2 | Tính hợp lý của các VBQPPL do địa phương ban hành | **1** | **0** |  | **0,7711** |  |
| 2.5.3 | Tính khả thi của các VBQPPL do địa phương ban hành | **1** | **0** |  | **0,7525** |  |
| 2.5.4 | Tính kịp thời phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL tại địa phương | **1** | **0** |  | **0,8508** |  |
| **3** | **CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | **13** | **12,9493** |  | **12,3493** |  |
| 3.1 | Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC) | **1** | **1** | - Trong năm 2024, Tỉnh An Giang không có thủ tục hành chính ban hành trái thẩm quyền (khoản 2 Mục I của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử). - Tỉnh An Giang có kiến nghị cải cách thủ tục hành chính (tại Mục IV của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử). | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.2 | Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ | **3,5** | **3,4493** |  | **2,8493** |  |
| 3.2.1 | Công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định | **0,5** | **0,5** | Tỉnh thực hiện công bố TTHC, danh mục TTHC theo quy định. TLKC: Tại khoản 3 Mục I của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm 0,25/0,5 điểm đối với tiêu chí thành phần này. Xin giải trình bổ sung lý do: 1. Đối với Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 10/4/2024: Ngày 05 tháng 3 năm 2024 Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 469/QĐ-BCT về việc công bố TTHC mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương. Qua tra cứu công bố, công khai Quyết định thủ tục hành chính trên Cổng cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính (Cổng CSDL) thì Bộ Công Thương khởi tạo Quyết định trên Cổng CSDL ngày 07/03/2024 đến ngày 28/03/2024 thì Bộ Công Thương công khai Quyết định trên Cổng CSDL. Tuy nhiên đến ngày 04/4/2024, Sở Công Thương mới nhận được Quyết định số 469/QĐ-BCT và ngày 05 tháng 4 năm 2024 Sở Công Thương đã trình UBND tỉnh công bố Danh mục TTHC mới ban hành trong lĩnh vực xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh An Giang. Đến ngày 10 tháng 4 năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND. Như vậy trong thời gian 6 ngày tỉnh đã xử lý xong, ngay sau khi nhận được quyết định của Bộ Công thương. 2. Đối với Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 19/6/2024: Ngày 29 tháng 05 năm 2024, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 1463/QĐ-BYT về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 642/QĐ-BYT ngày 16 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 03 năm 2024 của Bộ Y tế. Ngày 12 tháng 06 năm 2024, Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y, Dược cổ truyền tại Tờ trình số 94/TTr-SYT. Ngày 19/6/2024 Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1011/QĐ-UBND (Xử lý trong 7 ngày khi nhận được tờ trình của Sở, sau 21 ngày sau Quyết định của Bộ). Lý do: Chuyên viên nhận văn bản sau 02 ngày so với ngày phát hành văn bản của Bộ Y tế, kiêm nhiệm nhiều việc khác nhau cùng lúc, trong đó phải thường xuyên đi công tác, Phòng Nghiệp vụ Y trong giai đoạn này thiếu 02 biên chế, … | **0,4** | Cấp 2: Đồng ý giải trình bổ sung của tỉnh và đề xuất đánh giá 0.25 điểm (50% so với điểm tối đa). Tuy nhiên theo quy định đánh giá của tiêu chí không có mức điểm 0.25, căn cứ kết quả thẩm định và ghi nhận nỗ lực của tỉnh trong năm 2024, Hội đồng thẩm định ghi nhận 80% điểm đánh giá so với điểm tối đa, tương ứng 0,40/0,50 điểm. |
| 3.2.2 | Công khai TTHC và các quy định có liên quan | **1,5** | **1,5** | - Tiêu chí Công khai TTHC đầy đủ, kịp thời tại Cổng DVC quốc gia, Website, Bộ phận Một cửa các cấp: tỉnh An Giang thực hiện đúng quy định. TLKC:Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Báo cáo số 1431/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về kết quả công bố, công khai thủ tục hành chính tại địa phương. https://dichvucong.angiang.gov.vn/angiang/thongkedvc Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 1,5/1,5 điểm đối với tiêu chí thành phần này. Xin giải trình bổ sung lý do: Qua rà soát trên CSDLQG về TTHC thì Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 và Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì Sở Tư pháp không tìm thấy TTHC Bộ Tư pháp công khai trên cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính nên Sở Tư pháp không thể địa phương hóa Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 24/6/2024. Địa phương chờ Bộ Tư pháp công khai. | **1** | Cấp 2: VPCP Không đồng ý với giải trình bổ sung. Còn TTHC công khai chậm. VD: Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 24/06/2024 |
| 3.2.3 | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC | **1** | **0,9493** | - Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử - https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-congkhaiminhbach.html - Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử - Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 của UBND tỉnh về việc công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của các cơ quan, đơn vị và địa phương năm 2024 theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - https://dichvucong.angiang.gov.vn/angiang/thongkedvc | **0,9493** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.2.4 | Công bố TTHC nội bộ cấp tỉnh | **0,5** | **0,5** | - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. - Phụ lục 2 của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.3 | Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông | **2,5** | **2,5** |  | **2,5** |  |
| 3.3.1 | Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa | **1** | **1** | Tỉnh An Giang đảm bảo tỷ lệ thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp. (kèm theo TLKC) | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.3.2 | Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp | **0,75** | **0,75** | Tỉnh An Giang đã triển khai số TTHC liên thông cùng cấp với 140 thủ tục. TLKC: Tại khoản 7 Mục I của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh (gửi kèm theo) | **0,75** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.3.3 | Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền | **0,75** | **0,75** | Tỉnh An Giang thực hiện liên thông giữa các cấp chính quyền với 85 thủ tục. TLKC: Tại khoản 7 Mục I của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh (gửi kèm theo) | **0,75** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.4 | Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC | **5** | **5** |  | **5** |  |
| 3.4.1 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do CQCM cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | **1,5** | **1,5** | Báo cáo số 1433/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp tỉnh | **1,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.4.2 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | **1,5** | **1,5** | Báo cáo số 1433/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp tỉnh | **1,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.4.3 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn | **1** | **1** | Báo cáo số 1433/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh tổng hợp tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp tỉnh | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.4.4 | Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC | **0,25** | **0,25** | TLKC: Điểm a, khoản 6 Mục I của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Thư xin lỗi kèm theo) Link: https://drive.google.com/drive/folders/1wYShUU9ZTFAPuOEHq0OpbUp2VK5jZWI- | **0,25** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.4.5 | Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương | **0,75** | **0,75** | TLKC: khoản 7 Mục I của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử | **0,75** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.5 | Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | **1** | **1** |  | **1** |  |
| 3.5.1 | Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | **0,75** | **0,75** | - Khoản 5 Mục I của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. - Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị (pakn) về quy định hành chính và hành vi hành chính. \* Tại thời điểm báo cáo còn 02 PAKN trong hạn xử lý. Đến nay, đã xử lý xong (kèm theo). | **0,75** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 3.5.2 | Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của tỉnh | **0,25** | **0,25** | (71/71 PAKN) TLKC: - Khoản 5 Mục I của Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (gửi kèm theo). - Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị (pakn) về quy định hành chính và hành vi hành chính Địa chỉ truy cập công khai kết quả trả lời PAKN của tỉnh An Giang: https://dichvucong.gov.vn/p/phananhkiennghi/pakn-tra-loi.html | **0,25** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| **4** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH** | **10,5** | **6,2273** |  | **9,274** |  |
| 4.1 | Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị | **6,5** | **3,2273** |  | **5,5094** |  |
| 4.1.1 | Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các CQCM cấp tỉnh và phòng chuyên môn cấp huyện | **1** | **1** | Đảm bảo theo quy định. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành theo quy định. TLKC: Tại khoản 2 Mục I Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 4.1.2 | Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí | **1,5** | **1,5** | Tỉnh An Giang thực hiện đúng quy định và đạt chỉ tiêu của tiêu chí yêu cầu. TLKC: - Tại khoản 4 Mục 1 Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. - Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 của UBND tỉnh về việc quy định số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh An Giang; Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 0,5/0,5 điểm. 1. Tỉnh An Giang xin giải trình bổ sung: - Cấp tỉnh: UBND tỉnh ban hành Quyết định 346/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh về việc quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, theo đó, tỉnh An Giang có 19 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, số lượng cấp phó không quá 57, thực tế số có mặt đến 31/12/2024 là 53 cấp phó đảm bảo theo quy định (đính kèm phụ lục chi tiết cấp trưởng, cấp phó từng sở, phụ lục tổng số ban hành kèm theo Báo cáo số 1110/BC-UBND). 2. Bổ sung tài liệu kiểm chứng: - Danh sách lãnh đạo cấp sở và tương đương tỉnh An Giang. - Phụ lục 5 - Tổng hợp cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước ở địa phương, kèm theo Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang) - Phụ lục 6 - Tổng hợp số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh An Giang, kèm theo Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang) Tỉnh An Giang thực hiện đúng quy định và đạt chỉ tiêu của tiêu chí yêu cầu. TLKC: Tại khoản 4 Mục 1 Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đề xuất đạt 0,5/05 điểm. Tỉnh An Giang xin gửi bổ sung các tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 (kèm phụ lục chi tiết từng cơ quan, đơn vị, địa phương) Tỉnh An Giang thực hiện đúng quy định và đạt chỉ tiêu của tiêu chí yêu cầu. TLKC: Tại khoản 4 Mục 1 Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đề xuất đạt 0,5/0,5 điểm. 1. Tỉnh An Giang xin giải trình bổ sung: - Đối với cấp huyện: Mỗi huyện sẽ ban hành quyết định giao số lượng cấp phó, cụ thể thời điểm 31/12/2024 tỉnh An Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, có 128 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, trung bình không quá 02 phó, như vậy quy định không quá 256 cấp phó; thực trạng có mặt đến ngày 31/12/2024 là 246 cấp phó đảm bảo theo quy định (Đính kèm các quyết định giao số lượng cấp phó của cấp huyện và phụ lục tổng số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện kèm theo Báo cáo số 1110/BC-UBND) 2. Gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh An Giang năm 2024 (kèm các phụ lục của 11 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh) - Quyết định số 4695/QĐ-UBND ngày 12/11/2021 của UBND huyện Châu Thành về việc quy định số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Châu Thành. - Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND huyện Tri Tôn về số lượng phó trưởng phòng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Tri Tôn. - Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND thành phố Châu Đốc số lượng phó trưởng phòng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Châu Đốc | **1,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 4.1.3 | Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021 | **1** | **0,7273** | TLKC: Tại khoản 3 Mục I Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. | **0,7273** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 4.1.4 | Tính hợp lý trong sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền của tỉnh | **1** | **0** |  | **0,7843** |  |
| 4.1.5 | Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương | **1** | **0** |  | **0,7456** |  |
| 4.1.6 | Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh | **1** | **0** |  | **0,7522** |  |
| 4.2 | Thực hiện các quy định về quản lý biên chế | **1** | **1** |  | **1** |  |
| 4.2.1 | Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính | **0,5** | **0,5** | Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. Báo cáo số 58-BC/BCSĐ ngày 14/8/2024 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 4.2.2 | Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh | **0,5** | **0,5** | Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. Báo cáo số 58-BC/BCSĐ ngày 14/8/2024 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh về kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 4.3 | Thực hiện phân cấp quản lý | **3** | **2** |  | **2,7646** |  |
| 4.3.1 | Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành | **0,5** | **0,5** | Tỉnh thực hiện đảm bảo các quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. TLKC: Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 4.3.2 | Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp huyện, cấp xã | **0,5** | **0,5** | TLKC: Quyết định số 265/QĐ-SNV ngày 07/8/2024 của Sở Nội vụ về Kiểm tra chuyên ngành công tác Nội vụ đối với Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành. Quyết định số 379/QĐ-SNV ngày 07/10/2024 của Sở Nội vụ về Kiểm tra chuyên ngành công tác Nội vụ đối với Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên. Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 0,5/0,5 điểm đối với tiêu chí thành phần này. Tỉnh An Giang xin gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: 1. Kết luận kiểm tra số 3358/KL-SNV ngày 31/12/2024 của Sở Nội vụ về việc thực hiện các quy định pháp luật chuyên ngành công tác Nội vụ đối với UBND thị xã Tịnh Biên. 2. Kết luận kiểm tra số 2582/KL-SNV ngày 22/10/2024 của Sở Nội vụ về việc thực hiện pháp luật chuyên ngành về công tác Nội vụ đối với UBND huyện Châu Thành. \* Bổ sung Quyết định thanh tra và kết luận thanh tra của Sở Tài chính đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Long Xuyên về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục (liên quan đến công tác tài chính - ngân sách) - Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 21/3/2024 của Thanh tra Sở Tài chính về việc thanh tra chuyên đề việc phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Long Xuyên và việc thực hiện chính sách pháp luật về tài chính, kế toán tại một số trường trực thuộc. - Kết luận số 05/KL-TTr ngày 25/6/2024 của Thanh tra Sở Tài chính kết luận thanh tra chuyên đề việc phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Long Xuyên và việc thực hiện chính sách pháp luật về tài chính, kế toán tại một số trường trực thuộc. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 4.3.3 | Xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra | **1** | **1** | Báo cáo số 1110/BC-UBND ngày 01/11/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả 07 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. TLKC: Kết luận kiểm tra số 2582/KL-SNV ngày 22/10/2024 của Sở Nội vụ về việc thực hiện pháp luật chuyên ngành về công tác Nội vụ đối với Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành Kết luận kiểm tra số 3358/KL-SNV ngày 31/12/2024 của Sở Nội vụ về việc thực hiện pháp luật chuyên ngành về công tác Nội vụ đối với Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên. Qua kiểm tra phát hiện 06 vấn đề và đề xuất xử lý, đạt tỷ lệ 100%. Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 1/1 điểm đối với tiêu chí này. Tinh An Giang xin gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: 1. Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của Sở Nội vụ kiểm tra chuyên ngành công tác Nội vụ đối với UBND huyện Châu Thành. 2. Quyết định số 379/QĐ-SNV ngày 07/10/2024 của Sở Nội vụ kiểm tra chuyên ngành công tác Nội vụ đối với UBND thị xã Tịnh Biên. 3. Báo cáo số 64/BC-UBND ngày 21/002/2025 của UBND huyện Châu Thành về kết quả khắc phục hạn chế, tồn tại sau kiểm tra thực hiện pháp luật chuyên ngành về công tác Nội vụ năm 2024. 4. Báo cáo số 548/BC-UBND ngày 13/2/2025 của UBND thị xã Tịnh Biên về kết quả khắc phục hạn chế, tồn tại sau kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật chuyên ngành công tác Nội vụ năm 2024. 5. Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 21/3/2024 của Thanh tra Sở Tài chính về việc thanh tra chuyên đề việc phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Long Xuyên và việc thực hiện chính sách pháp luật về tài chính, kế toán tại một số trường trực thuộc. 6. Kết luận số 05/KL-TTr ngày 25/6/2024 của Thanh tra Sở Tài chính kết luận thanh tra chuyên đề việc phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Long Xuyên và việc thực hiện chính sách pháp luật về tài chính, kế toán tại một số trường trực thuộc. 7. Công văn số 964/PGDĐT ngày 09/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Long Xuyên về việc báo cáo kết luận 05/KL-TTr ngày 25/6/2024 của Sở Tài chính, đã cơ bản khắc phục những kiến nghị xử lý về tài chính theo kết luận thanh tra (khắc phục 6/6 vấn đề phát hiện qua thanh tra về tài chính). Theo đó, Tỉnh An Giang đã xử lý 12/12 vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra về phân cấp, phân quyền (theo quy định, tỉnh không điều chỉnh điểm tự chấm, do đó không nhập lại số vấn đề đã xử lý trên tổng số vấn đề đã phát hiện) | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 4.3.4 | Tính hợp lý trong việc phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện | **1** | **0** |  | **0,7646** |  |
| **5** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** | **15** | **4,5** |  | **11,5199** |  |
| 5.1 | Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm | **1,75** | **1,75** |  | **1,75** |  |
| 5.1.1 | Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý | **0,25** | **0,25** | - Báo cáo số 360/BC-UBND ngày 08/04/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả xây dựng Đề án vị trí việc làm và phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh An Giang. | **0,25** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.1.2 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | **0,75** | **0,75** | Báo cáo số 360/BC-UBND ngày 08/04/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả xây dựng Đề án vị trí việc làm và phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh An Giang Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 0,75/0,75 điểm đối với tiêu chí thành phần này. Xin giải trình bổ sung lý do: tỉnh An Giang thực hiện báo cáo đầy đủ, và các tài liệu kiểm chứng theo yêu cầu về vị trí việc làm, cơ cấu công chức theo theo Đề án VTVL đã được phê duyệt theo yêu cầu của Bộ Nội vụ (Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08/3/2024 của BNV; căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 16 NĐ số 62/2020/NĐ-CP). \* Gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: Điểm a khoản 2 Báo cáo số 360/BC-UBND ngày 08/04/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả xây dựng Đề án vị trí việc làm và phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh An Giang - Phu luc 1 - BC 360\_hanh chinh | **0,75** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.1.3 | Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | **0,75** | **0,75** | Báo cáo số 360/BC-UBND ngày 08/04/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả xây dựng Đề án vị trí việc làm và phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh An Giang Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 0,75/0,75 điểm đối với tiêu chí thành phần này. Xin giải trình bổ sung lý do: Tỉnh An Giang thực hiện báo cáo đầy đủ, và các tài liệu kiểm chứng theo yêu cầu về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo yêu cầu của Bộ Nội vụ (Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08/3/2024 của BNV (Khoản 9 Điều 14 NĐ số 106/2020/NĐ-CP)). \* Gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: Điểm b khoản 2 Báo cáo số 360/BC-UBND ngày 08/04/2024 của UBND tỉnh An Giang về kết quả xây dựng Đề án vị trí việc làm và phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh An Giang - Phụ lục 2 - BC 360\_DV su nghiep | **0,75** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.2 | Tuyển dụng công chức, viên chức | **2,5** | **0,5** |  | **2,192** |  |
| 5.2.1 | Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã | **0,25** | **0,25** | Năm 2024 không xây dựng kế hoạch tuyển dụng mới mà thực hiện theo Kế hoạch năm 2023 (Kế hoạch số 932/KH-UBND ngày 19/10/2023 của UBND tỉnh An Giang tổ chức thi tuyển công chức tỉnh An Giang năm 2023; Thông báo 946/TB-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh An Giang về thi tuyển công chức tỉnh năm 2023). Thực hiện đúng quy định. - Quyết định 2100/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh An Giang về thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh An Giang năm 2023; - Quyết định 1135/QĐ-UBND ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt kết quả kỳ tuyển dụng công chức tỉnh năm 2023. | **0,25** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.2.2 | Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh | **0,25** | **0,25** | Năm 2024, việc thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh đảm bảo đúng quy định. TLKC: - Kế hoạch số 133/KH-SLĐTBXH ngày 15/01/2024 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tuyển dụng viên chức làm việc tại các Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2024; - Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2024; - Quyết định số 848/QĐ-SLĐTBXH ngày 15/4/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2024; - Quyết định 1229/QĐ-SLĐTBXH ngày 27/5/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội năm 2024 | **0,25** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.2.3 | Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức | **1** | **0** |  | **0,8301** |  |
| 5.2.4 | Tình trạng tiêu cực trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức | **1** | **0** |  | **0,8619** |  |
| 5.3 | Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý | **2,75** | **0,75** |  | **2,4184** |  |
| 5.3.1 | Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý | **0,75** | **0,75** | Danh sách minh chứng số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định và số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm đúng quy định | **0,75** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.3.2 | Tính công khai, minh bạch trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức | **1** | **0** |  | **0,8149** |  |
| 5.3.3 | Tình trạng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức | **1** | **0** |  | **0,8535** |  |
| 5.4 | Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức | **1,5** | **0** | Tromg năm 2024, có lãnh đạo tỉnh; lãnh đạo cấp cấp sở, ngành, huyện; có lãnh đạo cấp hòng thuộc CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện bị xử lý kỷ luật | **0** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.5 | Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức | **2** | **1** |  | **1,7628** |  |
| 5.5.1 | Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức | **1** | **1** | - Kế hoạch số 1197/KH-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh về Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. - Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 03/11/2024 của UBND tỉnh Về việc điều chỉnh giảm nội dung bồi dưỡng theo Kế hoạch số 1197/KH-UBND ngày 14/12/2023 Ủy ban nhân dân tỉnh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh năm 2024. - Báo cáo số 181/BC-SNV ngày 20/01/2025 của Sở Nội vụ về kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.5.2 | Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức | **1** | **0** |  | **0,7628** |  |
| 5.6 | Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã | **0,5** | **0,5** | Năm 2024, tỉnh An Giang có 3.221 cán bộ, công chức cấp xã, với 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định. Trong đó: - 1666/1666 cán bộ cấp xã đạt chuẩn. - 1518/1518 công chức cấp xã đạt chuẩn. Năm 2024, việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động cán bộ, công chức xã đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. TLCK: Báo cáo số 3243/BC-UBND ngày 24/12/2024 về thực trạng đội ngũ cán bộ công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang. Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 0,5/0,5 điểm đối với tiêu chí này. Xin giải trình bổ sung lý do: Tỉnh An Giang có 124 trường hợp có trình độ chuyên môn nghiệp vụ là cao đẳng, trung cấp. Đối với các trường hợp này, Sở Nội vụ cung cấp bảng thống kê các chức danh có trình độ cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó, các trường hợp thuộc các chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự và Chủ tịch Hội cựu chiến binh. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ, 02 chức danh này vẫn đảm bảo đạt chuẩn trình độ chuyên môn theo đúng quy định, cụ thể: + Căn cứ Công văn số 127/CV-TCCS ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Đảng Đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam về việc thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP đối với chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã. Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam đề nghị để các đồng chí chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 8, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP được tiếp tục công tác đến 01 tháng 8 năm 2027 (trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành); Đại hội Hội Cựu chiến binh Việt Nam nhiệm kỳ 2027-2032, Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh Việt Nam sẽ chỉ đạo các cấp Hội rà soát thực hiện đúng tiêu chuẩn chức danh cán bộ theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. + Tương tự trường hợp trên, đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự: căn cứ theo Khoản 1 Điều 38, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính Phủ quy định trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, công chức cấp xã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định. \* Gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: Công văn số 424/SNV-CCHC&XDCQ ngày 20/02/2025 của Sở Nội vụ tỉnh An Giang về việc giải trình tiêu chí 5.6 Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã (kèm theo Phụ lục). | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 5.7 | Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức | **4** | **0** |  | **2,8967** |  |
| 5.7.1 | Năng lực chuyên môn của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc | **1** | **0** |  | **0,75** |  |
| 5.7.2 | Tinh thần trách nhiệm của công chức, viên chức trong phối hợp, xử lý công việc | **1** | **0** |  | **0,7163** |  |
| 5.7.3 | Tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc | **1** | **0** |  | **0,7878** |  |
| 5.7.4 | Tính hiệu quả trong việc thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào bộ máy hành chính | **1** | **0** |  | **0,6426** |  |
| **6** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** | **12** | **6,8853** |  | **9,3477** |  |
| 6.1 | Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách | **5** | **2,8853** |  | **4,3731** |  |
| 6.1.1 | Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN) | **1** | **0,9049** | Ước thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước tỉnh An Giang năm 2024 là 8.318.771/9.193.315 triệu đồng, đạt 90,49% so với phải giải ngân theo kế hoạch. Tài liệu kiểm chứng: tại trang 2, đoạn thứ 4, khoản 1, Mục I của dự thảo Báo cáo; bảng phụ lục kèm theo Báo cáo. Sở Tài chính An Giang đã hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. | **0,9572** | Cấp 2: Văn bản số 768/BTC-DT ngày 20/01/2025 về việc tình hình giải ngân vôn đầu tư nguồn NSNN 12 tháng, Ước 13 tháng kế hoạch năm 2024 (Số giải ngân là số liệu ước giải ngân đến 31/01/2025) |
| 6.1.2 | Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN | **1** | **1** | Tới thời điểm hiện tại, năm 2024 việc sử dụng nguồn kinh phí của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh An Giang chưa được cơ quan có thẩm quyền kết luận sai phạm. | **1** | Cấp 2: Tạm thời đồng ý kết quả tự đánh giá. HĐTĐ sẽ rà soát, đánh giá lại |
| 6.1.3 | Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách | **1** | **0,9804** | Đến thời điểm báo cáo, Số tiền kiến nghị của Kiểm toán nhà nước: 4.738.452.731.304 đồng, số tiền đã thực hiện khắc phục: 4.645.747.785.756 đồng (đạt tỷ lệ 98,04%). | **0,9804** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 6.1.4 | Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính | **1** | **0** |  | **0,7009** |  |
| 6.1.5 | Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị | **1** | **0** |  | **0,7346** |  |
| 6.2 | Công tác quản lý, sử dụng tài sản công | **3** | **2** |  | **2,245** |  |
| 6.2.1 | Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý | **0,75** | **0,75** | Hằng năm, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Hiện nay, tỉnh An Giang đã có 193/193 đơn vị ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công 1. Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang. 2. Quyết định số 33.2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh ban hành danh mục, thời gian và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang. 3. Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tỉnh An Giang. 4. Hiện Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã có tờ trình trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để xin ý kiến thống nhất về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (Tờ trình số 794-TTr/BCSĐ ngày 04/11/2024). Tiêu chuẩn, định mức được xây dựng đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ. | **0,25** | Cấp 2: Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 ban hành Kế hoạch Tổng kiểm kê không đúng thời hạn (Trước 01/7/2024) |
| 6.2.2 | Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công | **0,5** | **0,5** | 1. Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong quản lý tài sản công năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Căn cứ tài liệu hướng dẫn rà soát, chuẩn hoá dữ liệu về TSC trong phần mềm Quản lý TSC kèm theo Công văn số 11537/BTC-QLCS ngày 08/11/2022 của Bộ Tài chính và Công văn số 6536/BTC-QLCS ngày 23/6/2023 của Bộ Tài chính về chuẩn hoá dữ liệu trong Phần mềm Quản lý TSC, các đơn vị trên địa bàn tỉnh An Giang được Bộ Tài chính phân cấp nhập liệu đã thực hiện rà soát, chuẩn hoá dữ liệu về TSC (Danh mục địa bàn, danh mục tài sản, nhóm tài sản, hiện trạng sử dụng của tài sản,…). Đồng thời, các đơn vị được phân cấp nhập liệu tiếp tục phối hợp Sở Tài chính thường xuyên rà soát, chuẩn hoá dữ liệu khi hiện bảng cảnh báo “Yêu cầu kiểm tra lại thông tin tài sản đã nhập” khi cập nhật dữ liệu tài sản vào Phần mềm Quản lý TSC (nội dung tại khoản 4, trang 10 của Báo cáo số 262/BC-UBND); thường xuyên chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công (Phần C trang 14 của Báo cáo); kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công (Phần D trang 14 của Báo cáo). 2. Các văn bản triển khai của tỉnh An Giang: - Công văn số 1398/STC-GCS ngày 29/5/2024 của Sở Tài chính về việc chuẩn hóa danh mục đơn vị trong Phần mềm Quản lý tài sản công. - Công văn số 1178/STC-TCDN-THTK ngày 08/5/2024 về việc hỗ trợ tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 6.2.3 | Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý | **0,75** | **0,75** | Tỉnh An Giang đã hực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý từ 100% số cơ sở nhà, đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý (Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 trên địa bàn tỉnh An Giang) | **0,75** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 6.2.4 | Tính hiệu quả của việc quản lý, sử dụng tài sản công | **1** | **0** |  | **0,745** |  |
| 6.3 | Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) | **4** | **2** |  | **2,7296** |  |
| 6.3.1 | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên | **0,25** | **0** | Năm 2024, tỉnh An Giang không có thêm đơn vị tự dảm bảo chi thường xuyên. | **0** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 6.3.2 | Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | **0,75** | **0** | Năm 2024 tỉnh An Giang không có thêm đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. | **0** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 6.3.3 | Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL. | **1** | **1** | Tới thời điểm hiện tại, việc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm 2024 tại các đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh An Giang chưa được cơ quan có thẩm quyền kết luận sai phạm. Sở Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị HCSN cấp tỉnh tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị SNCL trực thuộc theo đúng quy định tại Nghị định số Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ | **1** | Cấp 2: Tạm thời đồng ý kết quả tự đánh giá. HĐTĐ sẽ rà soát, đánh giá lại |
| 6.3.4 | Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập | **1** | **1** | Tổng chi thường xuyên tỉnh An Giang năm 2023 của các đơn vị SNCL cấp tỉnh là 1.226.509 triệu đồng (Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách tỉnh) - Số giảm chi năm 2024 là 22.547 triệu đồng (Giảm 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị SNCL theo NĐ 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ) - Tổng chi thường xuyên năm 2024 là 1.203.962 triệu đồng (1.226.509 triệu đồng - 22.547 triệu đồng) - Tỷ lệ % giảm chi ngân sách cho ĐVSN so với năm 2023 là 98% (1.203.962 triệu đồng/1.226.509 triệu đồng). | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 6.3.5 | Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL | **1** | **0** |  | **0,7296** |  |
| **7** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN, CHÍNH QUYỀN SỐ** | **13,5** | **11,9036** |  | **11,7138** |  |
| 7.1 | Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu | **3,5** | **3,5** |  | **3,1875** |  |
| 7.1.1 | Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định | **0,5** | **0,5** | 1. Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang, phiên bản 2.0. 2. Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. 3. Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm đạt 0,5/0,5 điểm đối với tiêu chí này. Xin giải trình bổ sung lý do: Ngày 30/12/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 2135/QĐ-UBND ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang phiên bản 3.0, hướng tới Chính quyền số theo hướng dẫn tại Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tuy nhiên, do nhầm lẫn, nên cập nhật chưa đúng tài liệu kiểm chứng. \* Xin gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: Quyết định số 2135/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.1.2 | Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số | **1** | **1** | Tỉnh An Giang đã triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí kỹ thuật theo quy định. 1. Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh An Giang. 2. Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. 3. Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang, phiên bản 2.0. 4. Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.1.3 | Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) | **1** | **1** | - Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. - Các hệ thống dữ liệu dùng chung có nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh An Giang: 1. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang. 2. Hệ thống quản lý Văn bản và Điều hành tỉnh An Giang. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang kết nối qua LGSP tỉnh để kết nối, liên thông với phần mềm nội bộ tỉnh và với phần mềm, hệ thống của bộ, ngành trung ương; Hệ thống quản lý Văn bản và Điều hành tỉnh kết nối qua trục liên thông để kết nối gửi nhận văn bản giữa các cơ quan nhà nước của Bộ, ngành TW và địa phương khác. Do đó tỷ lệ: 2/2 = 100%. - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.1.4 | Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức | **1** | **1** | - Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. - Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức 17/17, đạt 100%. - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm 0,875/1 điểm đối với tiêu chí này. Xin giải trình bổ sung lý do: - Năm 2024, số lượng dịch vụ dữ liệu trên Nền tảng NDXP cần kết nối là 16 hệ thống (giảm 01 hệ thống so với năm 2023: hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam). - Qua kiểm tra, tỉnh đã kết nối và đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét nghi nhận 14/16 kết nối. \* Gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: - Văn bản số 323/STTTT-CNTT-BCVT ngày 21/02/2025 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang về giải trình, bổ sung kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2024. - Báo cáo số 358/BC-STNMT ngày 10/12/2024. - Công văn số 6399/CNVTQĐ-VTS ngày 13/6/2024. - Công văn số 13071/CNVTQĐ-VTS ngày 30/10/2024. - Công văn số 2357/STNMT-TTCN ngày 11/7/2024. - Báo cáo số 1247/BC-UBND ngày 27/11/2024 | **0,6875** | Cấp 2: Theo số liệu trên NDXP có 11 hệ thống kết nối có phát sinh giao dịch trong năm 2024 |
| 7.2 | Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước | **3** | **3** |  | **3** |  |
| 7.2.1 | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại tỉnh | **0,5** | **0,5** | - Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.2.2 | Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền | **1** | **1** | - Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.2.3 | Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh | **1,5** | **1,5** | - Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **1,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.3 | Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức | **7** | **5,4036** |  | **5,5263** |  |
| 7.3.1 | Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định | **0,5** | **0,5** | Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang đáp ứng yêu cầu, tính năng kỹ thuật theo quy định và đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6. 1. Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. 2. Kế hoạch 41/KH-STTTT ngày 03/4/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông triển khai nâng cấp tính năng kỹ thuật Cổng thông tin điện tử tỉnh năm 2024. 3. Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.3.2 | Chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh | **1** | **0** |  | **0,786** |  |
| 7.3.3 | Thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC | **1** | **1** | Tỉnh An Giang đã thiết lập, vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định. 1. Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. 2. Giấy chứng nhận số 07/2020/CN/MICCOE-BM07 - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được triển khai bằng hình thức thuê dịch vụ trên cơ sở Cổng DVC và Hệ thống thông tin một cửa điện tử và có đầy đủ tính năng theo quy định. 3. Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.3.4 | Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC | **1** | **0,5** | Trong năm 2024 (từ ngày 15/12/2023 đến 14/12/2024), UBND tỉnh đã thống kê trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tỷ lệ số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ (TPHS) khi tiếp nhận: 85,47% (tăng 49.54% so với năm trước); tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ: 88,35% (tăng 53.59% so với năm trước). - Báo cáo số 1430/BC-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh An Giang báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Số thứ tự 6, điểm c khoản 12 trang 14 của Báo cáo) - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.3.5 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình | **0,5** | **0,5** | - Tỉnh An Giang hiện đã cung cấp 900/900 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đạt tỷ lệ 100%. - Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024 (tại điểm 8.1, khoản 8 trang 5, 6 của Báo cáo). - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 7.3.6 | Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình | **1,5** | **1,4137** | - Số liệu xuất từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh An Giang là 274.891/291.662=94,25% - Báo cáo số 385/BC-ĐKT ngày 09/11/2024 của Đoàn Kiểm tra của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả kiểm tra tình hình thực hiện chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trong cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2024. - Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. Đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét chấm 1,4079/1,5 điểm đối với tiêu chí này. Xin giải trình bổ sung lý do: Qua thống kê từ hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (Tính từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024): - Số hồ sơ trực tuyến của DVCTT toàn trình năm 2024 trên hệ thống là: 282.038 hồ sơ - Tổng số hồ sơ DVCTT toàn trình năm 2024 trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang là: 300.475 hồ sơ - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình năm 2024 trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh An Giang là: 93,86%. Do đó, đề xuất Hội đồng thẩm định xem xét điều chỉnh điểm đối với tiêu chí này. \* Gửi bổ sung tài liệu kiểm chứng: Đính kèm số liệu được trích xuất từ cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh An Giang về danh sách hồ sơ trực tuyến của DVCTT toàn trình, do dữ liệu hồ sơ trực tuyến toàn trình lớn nên dữ liệu được xuất theo từng tháng, rất mong Hội đồng thẩm định xem xét công nhận. | **0,7504** | Cấp 2: Đây là số liệu đo trên hệ thống EMC. Trong năm 2024, Bộ TTTT đã có công văn số 2278/BTTTT-CĐSQG ngày 12/6/2024 về việc đồng bộ đầy đủ dữ liệu giữa HTTTGQTTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Hệ thống EMC .Thời điểm cuối năm 2024 các đơn vị cần đối soát đồng bộ số liệu kết nối trên EMC. |
| 7.3.7 | Thực hiện thanh toán trực tuyến | **1,5** | **1,4899** | Số liệu thống kê từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỉnh An Giang có 336/336 số thủ tục hành chính có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến đối với thủ tục hành chính đã triển khai. Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. Số liệu thống kê từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỉnh An Giang có 556/556 thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến. Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. Tỉnh An Giang thống kê số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá là: 650572/663964=97,98%. Trong đó: - 390107 hồ sơ được thanh toán trực tuyến (số liệu thống kê từ Cổng dịch vụ công quốc gia). - 260465 hồ sơ thanh toán qua dịch vụ bưu chính công ích Báo cáo số 23/BC-BCĐ ngày 15/01/2025 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số về kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang. | **1,4899** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| **8** | **TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI** | **16,5** | **3,0667** |  | **12,6326** |  |
| 8.1 | Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công | **10** | **0** |  | **8,0659** |  |
| 8.1.1 | Mức độ hài lòng về tiếp cận dịch vụ | **1,5** | **0** |  | **1,2126** | Cấp 2: SIPAS |
| 8.1.2 | Mức độ hài lòng về TTHC | **1,5** | **0** |  | **1,2116** | Cấp 2: SIPAS |
| 8.1.3 | Mức độ hài lòng về công chức giải quyết TTHC | **2,5** | **0** |  | **2,0268** | Cấp 2: SIPAS |
| 8.1.4 | Mức độ hài lòng về kết quả giải quyết TTHC | **2,5** | **0** |  | **2,0255** | Cấp 2: SIPAS |
| 8.1.5 | Mức độ hài lòng về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến TTHC | **2** | **0** |  | **1,5894** | Cấp 2: SIPAS |
| 8.2 | Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh | **1** | **0** | - Năm 2024, ước thu hút đầu tư sẽ không đạt so với năm 2023 (2.914 tỷ). Nguyên nhân: - Năm 2024 Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận 08 dự án đầu tư đăng ký mới với tổng vốn đầu tư 1.913 tỷ đồng. Trong đó: + Có 01 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký là 12 tỷ đồng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh phê duyệt quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Báo cáo số 47/BC-SKHĐT ngày 01/02/2024. Tuy nhiên đến nay UBND tỉnh chưa có ý kiến chỉ đạo. + Còn lại 07 dự án không đáp ứng các nội dung thẩm định được quy định tại Khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư nên Sở Kế hoạch và Đầu tư chưa tham mưu UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. - Ngoài ra, các vị trí đăng ký đầu tư của các dự án chưa phù hợp các quy hoạch (quy hoạch tỉnh; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất,…) được cấp thẩm quyền phê duyệt, do đó chưa được cấp chủ trương đầu tư. Đồng thời, Luật Đất đai mới có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2024, sự chồng chéo giữa các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, nhà ở dẫn đến việc đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án mới gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. | **0** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 8.3 | Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh | **2** | **2** |  | **2** |  |
| 8.3.1 | Số lượng doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường | **0,5** | **0,5** | - Số doanh nghiệp gia nhập thị trường năm 2023 là 965 doanh nghiệp. - Số doanh nghiệp gia nhập thị trường năm 2024 là 1.050 doanh nghiệp. Tăng 85 doanh nghiệp TLKC: - Báo cáo 1206/BC-UBND của UBND tỉnh về tình hình KTXH năm 2023; - Báo cáo 1422/BC-UBND của UBND tỉnh về tình hình KTXH năm 2024 | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 8.3.2 | Số vốn đăng ký của doanh nghiệp | **0,5** | **0,5** | - Số doanh nghiệp đăng ký mới năm 2023 là 6.532 tỷ đồng - Số doanh nghiệp đăng ký mới năm 2024 là 7.000 tỷ đồng TLKC: - Báo cáo số 1422/BC-UBND ngày 24/12/2024 Tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. - Báo cáo 1206/BC-UBND của UBND tỉnh về tình hình phát triển KTXH năm 2023. | **0,5** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 8.3.3 | Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp | **1** | **1** | - Tổng thu ngân sách nhà nước của tỉnh An Giang năm 2023 là 7.042 tỷ đồng. Trong đó, đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp là 4.384 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 62% trên tổng số thu NSNN năm 2023. - Tổng số thu ngân sách nhà nước của tỉnh An Giang năm 2024 là 7.550 tỷ đồng. Trong đó, đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp là 4.772 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 63% trên tổng số thu NSNN năm 2024, so với năm 2023 tăng 1%. TLKC: - Báo cáo số 1265/BC-UBND ngày 29/12/2024 Đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2024 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. | **1** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
| 8.4 | Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh | **2** | **0** | Tiêu chí này do Bộ Tài chính phối hợp với các bộ ngành liên quan đánh giá. Qua theo dõi, tổng thu nội địa năm 2024 của tỉnh An Giang ước đạt được 7.710 tỷ đồng, đạt 107% dự toán trung ương và HĐND tỉnh giao. TLKC: Báo cáo số 1265/BC-UBND ngày 29/11/2024 về việc đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2024 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. Tiêu chí này do Bộ Tài chính phối hợp với các bộ ngành liên quan đánh giá. | **1,5** | Cấp 2: vuot 16.9%xep thu 40/63 dia phuong ca nuoc |
| 8.5 | Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao | **1,5** | **1,0667** | Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 như sau: Thực hiện đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu mà Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã đề ra, trong đó có 06 chỉ tiêu vượt, 07 chỉ tiêu đạt. Tài liệu kiểm chứng: - Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 của UBND tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh An Giang. - Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND, bảng đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội tại trang 5 của Kế hoạch. | **1,0667** | Cấp 2: Đồng ý kết quả tự đánh giá |
|  | **TỔNG ĐIỂM** | **100** | **59,5322** |  | **60,1552** |  |